

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-02-2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng và ông Phạm Anh Tuấn.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên toà:** Ông Đàm Như Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 304/2024/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- **Bị đơn:** Chị Mạc Thị Y, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Nguyễn Phú T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mạc Thị Y được tự do tìm hiểu đã đăng ký kết hôn ngày 13/3/2023 tại UBND xã H (nay là xã H), huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh T, chị Y chung sống tại thôn K, xã H, huyện S. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường hay cãi nhau, không hòa hợp được. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cả hai không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng.

Anh Tú, chị Y sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay. Anh Tú xác định tình cảm vợ chồng với chị Y không còn, anh T xin ly hôn với chị Y. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Mạc Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phú T được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/3/2023 tại UBND xã H, nay là xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị và anh T cùng đi làm tại tỉnh Hưng Yên và chung sống với nhau tại đó. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 8 năm 2024 thì mâu thuẫn nảy sinh. Nguyên nhân do chị bị bệnh tuyến giáp, cần phải điều trị. Trong lúc chị đau ốm không nhận được sự đồng cảm của anh T, anh T không quan tâm chăm sóc lúc chị ốm đau. Hơn nữa, chị nhận thấy anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn giữa chị và anh T không hóa giải được. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải cho chị và anh T nhưng không thành. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 đến nay. Anh Tú xin ly hôn, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh T không còn, chị nhất trí ly hôn với anh T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Phú T, chị Mạc Thị Y đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn” của anh Nguyễn Phú T: Cho anh Nguyễn Phú T được ly hôn với chị Mạc Thị Y.

- Về con chung, tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Phú T và chị Mạc Thị Y cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Phú T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Nguyễn Phú T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với chị Mạc Thị Y; chị Mạc Thị Y đăng ký thường trú tại thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn cùng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phú T, chị Mạc Thị Y có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2023 tại UBND xã H (nguyên là xã H), huyện S, tỉnh Tuyên Quang, kết hôn trên tinh thần tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của anh Nguyễn Phú T, chị Mạc Thị Y cho thấy: Quá trình anh chị chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vấn đề tình cảm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Sau khi sống ly thân anh T đã có đơn xin ly hôn với chị Y gửi đến Tòa án, trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T chị Y hoàn toàn nhất trí. Như vậy, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Phú T và chị Mạc Thị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phú T, xử cho anh Nguyễn Phú T được ly hôn với chị Mạc Thị Y.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Phú T và chị Mạc Thị Y đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Phú T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; chị Mạc Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phú T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Phú T được ly hôn với chị Mạc Thị Y (Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 13/3/2023 của UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Anh Nguyễn Phú T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Nguyễn Phú T đã nộp tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002155669 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Công ty cổ phần T1 và biên lai số 0000699, ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Mạc Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Phú T và chị Mạc Thị Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Hồng Sơn, huyện Sơn Dương (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Thị Bích Hằng Phạm Anh
Tuấn**

Đào Thị Bích Ngọc

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Hồng Sơn,
huyện Sơn Dương (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

Đào Thị Bích Ngọc

